TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – ĐẮK LẮK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/HS-ST
Ngày 12 - 02 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – ĐẮK LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Thọ;

2. Ông Vũ Công Đạt.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Yến- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2026/TLST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2026/QĐXXST-HS ngày 30/01/2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị H, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 20/4/1976; Nơi sinh: Tỉnh Hà Tĩnh; Số CCCD: 042176019049, cấp ngày 05/01/2023; Nơi thường trú: Thôn T, xã D, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở hiện nay: Buôn K 2, xã K, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Kinh doanh. Trình độ học vấn: 0/12; Con ông Nguyễn Đức T (đã chết) và bà Phan Thị Th, sinh năm 1958; Chồng: Nguyễn Xuân Á, sinh năm 1989 và có 06 con; con lớn nhất sinh năm 1996 con nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 21/6/2024, Nguyễn Thị H bị Công an huyện Krông Búk, Đắk Lắk xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Cố ý gây thương tích" số tiền 6.500.000 đồng. Ngày 08/01/2026, đã nộp phạt.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/11/2025 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Trần Quang V; Địa chỉ: Thôn A, xã P, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

- Bà Trần Thị Đ; Địa chỉ: Tổ dân phố B 5, phường B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Đình V; Địa chỉ: Số 16 đường TTN, khu phố 1, Phường Đ, TP. Hồ Chí Minh; Vắng mặt.

- Ông Trần Vinh S; Địa chỉ: Số 1146/51/14f Q, Phường T, TP. Hồ Chí Minh; Vắng mặt.

- Bà Thái Thị Quỳnh N; Địa chỉ: Buôn K 2, xã K, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Nguyễn Thành Đ (gọi tắt là Công ty Thành Đ) được Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng Quản lý doanh nghiệp thuộc Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk) cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001684392; Đăng ký lần đầu ngày 18/02/2020; vốn điều lệ 1.500.000.000 đồng; địa chỉ trụ sở chính đạt tại buôn K 2, xã Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk; ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh vật liệu xây dựng, do Nguyễn Thị H làm giám đốc và là đại diện theo pháp luật trực tiếp điều hành mọi hoạt động của công ty.

Giai đoạn từ tháng 6/2020 đến tháng 4/2023, H thuê ông Trần Quang V (sinh năm: 1965, trú tại: Tổ dân phố A, xã P, tỉnh Đắk Lắk) làm kế toán kê khai báo cáo thuế, báo cáo tài chính năm, đồng thời là người tổng hợp làm sổ sách kế toán nội bộ, thu chi hàng ngày của công ty căn cứ vào những thông tin, giấy tờ mà H cung cấp. Hình thức sử dụng hoá đơn GTGT bán ra: Xuất hoá đơn điện tử, hình thức kê khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế. Công ty Thành Đ thực hiện việc kê khai, nộp thuế tại Chi cục thuế khu vực E - K.

Vào khoảng đầu năm 2021, H mua 2.000 m^3 đá 1x2 trên thị trường nhưng không có hóa đơn GTGT. Để hợp thức hóa đầu vào số lượng hàng hóa trên, vào khoảng giữa tháng 6 năm 2021, H đã liên hệ với Trần Thị Đ, sinh năm 1983 trú tại: Tổ dân phố A, phường B, tỉnh Đắk Lắk để hỏi mua hoá đơn với số lượng 2.000 m^3 đá 1x2. Sau khi thỏa thuận, hai bên thống nhất chi phí xuất hoá đơn là 10% trên tổng giá trị tiền hàng (chưa bao gồm thuế GTGT). Sau đó, H cung cấp tên Công ty, địa chỉ, mã số thuế, tên hàng hóa, số lượng, đơn giá (với số lượng 2.000 m^3 đá 1x2, đơn giá 272.727,7 đồng/m^3, thành tiền 545.454.545 đồng, tiền thuế 54.545.455 đồng, tổng số tiền 600.000.000 đồng, để Đ soạn hợp đồng mua bán hàng hóa và lập biên bản thanh lý hợp đồng.

Sau khi soạn xong hợp đồng và biên bản thanh lý hợp đồng, Đ in ra 02 bản và trực tiếp mang đến trụ sở Công ty Thành Đ của H để ký và đóng dấu. Sau đó, Đ liên hệ với Nguyễn Đình V (sinh năm: 1985; Trú tại phường Đ, tp Hồ Chí Minh) để đưa cho Công ty Bắc Nam Ng ký, đóng dấu. Tuy nhiên, Công ty Bắc Nam Ng là một trong 03 Công ty được Doãn Đình Đ, sinh năm 1980, trú tại số 162/33A Đường số 9, Phường 9, Quận G, TP. Hồ Chí Minh, tham gia cùng với Tô Ngọc T

trú tại phường 9, Quận G, TP. Hồ Chí Minh thành lập với mục đích để bán trái phép hoá đơn GTGT nhằm thu lợi bất chính. Trong thời gian từ ngày 25/6/2020 đến 12/8/2021, Công ty Bắc Nam Ng báo cáo đã sử dụng tổng cộng 541 hoá đơn GTGT điện tử từ số 000001/NN20E đến 000500/NN20E và 000001/NN21E đến 000041/NN21E. Công ty Bắc Nam Ng không hoạt động kinh doanh, không có giao dịch mua bán hàng hoá trên thực tế, các hoá đơn GTGT mà Công ty này xuất là hoá đơn GTGT khống, không có hàng hóa kèm theo.

Sau khi ký và đóng dấu xong hợp đồng, V gửi lại cho Đ để Đ đưa cho H. Sau đó Đ báo cho V xuất nháp (xuất thử) hóa đơn gửi qua Zalo cho Đ và Đ chuyển tiếp qua Zalo của H. Khi xem xong, H thống nhất với nội dung hóa đơn đồng thời yêu cầu thời gian xuất trong hóa đơn là ngày 31/5/2021, nên Đ đã báo cho V để đưa cho Công ty Bắc Nam Ng ký và xuất hóa đơn GTGT điện tử số 0000418, ký hiệu hóa đơn: NN/20E cho Công ty Nguyễn Thành Đ. Sau khi xuất xong hóa đơn, ngày 22/6/2021 V sử dụng tài khoản email dinhvuongy@gmail.com gửi đến tài khoản email của Đức là tranduc.daklak@gmail.com và Đ đã chuyển tiếp file hóa đơn và gửi đến tài khoản zalo cho H.

Đến ngày 24/6/2021, H viết sẵn ủy nhiệm chi theo tổng số tiền hàng trong hóa đơn là 600.000.000 đồng và chụp gửi qua zalo cho Đ, sau đó Đ gửi cho V và nói V chuyển tiền vào tài khoản của Đức số 63310000004271 (V nhờ Trần Vinh S chuyển tiền cho Đ). Cùng ngày, Đ và H hẹn gặp nhau tại phòng giao dịch P (thuộc ngân hàng BIDV chi nhánh B) để thực việc giao dịch nhận tiền. Khi đến phòng giao dịch do bản thân Đ có sẵn 60.000.000 đồng tiền mặt nên Đ chỉ rút 540.000.000 đồng và đưa cho H tổng số tiền 600.000.000 đồng để H nộp vào số tài khoản 63310000545674 của Công ty Nguyễn Thành Đ, sau đó H đại diện công ty đã chuyển số tiền 600.000.000 đồng vào số tài khoản 63610000417738 của Công ty Bắc Nam Ng để hợp thức việc mua hóa đơn. Sau khi chuyển tiền xong H đưa tiền phí hóa đơn 10% cho Đ, sau khi nhận được tiền phí hóa đơn Đ tính toán lại số tiền cá nhân được hưởng để giữ lại, số tiền còn lại Đ chuyển cho V để trả tiền mua hóa đơn.

Ngày 01/7/2021, Công ty Nguyễn Thành Đ đã xuất và bán hết số lượng hàng hóa 2.000m^3 trên cho Công ty TNHH Đ (địa chỉ: Số 175 đường Y , phường B, tỉnh Đắk Lắk) để làm công trình tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Sau đó, H đưa toàn bộ hồ sơ hợp thức hóa nói trên cho ông V để kê khai thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp cho Công ty Nguyễn Thành Đ trong kỳ tính thuế quý 2/2021. Từ đó, Công ty Nguyễn Thành Đ được khấu trừ thuế GTGT và giảm thuế TNDN phải nộp.

Tại bản kết luận số 799/KLGĐ-DLA ngày 16/9/2025 của Cục thuế tỉnh Đắk Lắk kết luận: Công ty TNHH TM Nguyễn Thành Đ sử dụng 01 tờ hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT0/001, ký hiệu NN/20E, số hóa đơn 0000418, ngày hóa đơn: 31/5/2021, giá trị thanh toán 600.000.000 đồng của Công ty TNHH TM DV xây dựng Bắc Nam Ng, MST 6400421973 để kê khai chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN năm 2021 (tờ khai quyết toán thuế TNDN nộp lần đầu ngày

20/3/2022) là hành vi trốn thuế theo quy định tại khoản 4 điều 143 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14.

Tổng số tiền thuế đã trốn là 109.090.909 đồng, trong đó thuế TNDN là 109.090.909 đồng. Thời điểm cụ thể xảy ra hành vi trốn thuế: Ngày 20/3/2022 Công ty nộp tờ khai quyết toán thuế TNDN lần đầu. (Hạn nộp của tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2021 là ngày 31/3/2022.

Tại bản cáo trạng: 26/CT-VKS, ngày 27/01/2026, của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Đắk Lắk đã truy tố Nguyễn Thị H, về tội *"Trốn thuế"* theo quy định tại điểm d khoản 1 điều 200 Bộ luật hình sự. Tại phiên toà sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, các chứng cứ buộc tội, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, Đại diện viện kiểm sát đã giữ nguyên Quyết định truy tố đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị H, phạm tội *Trốn thuế.*

Áp dụng điểm d khoản 1 điều 200; điểm b, i, s khoản 1 điều 51; điều 35 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H số tiền từ 100.000.000 đồng đến 130.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ điều 46, điều 47 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Đối với 08 hóa đơn giá trị gia tăng công ty Thành Đ xuất cho Công ty TNHH Đ; Hệ thống sổ sách kế toán năm 2020-2021 của Công ty Thành Đ; 01 tập hóa đơn có 35 tờ của Vật liệu xây dựng Ái H có bìa màu xanh ghi dòng chữ "*Nhận đá 1x2 chú Khiêm đổ đá"*; 02 tập hóa đơn có 46 tờ của Vật liệu xây dựng Ái H có bìa màu xanh ghi dòng chữ *"Công ty đại đ"*. Đây là các tài liệu liên quan đến hành vi trốn thuế của Công ty Thành Đ, do đó cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Đối với các tài liệu gốc của hợp đồng kinh tế số 22/2021/HĐKT; biên bản thanh lý hợp đồng mua bán hàng hóa; hóa đơn giá trị gia tăng số 0000418, ký hiệu NN/20E giữa Công ty Bắc Nam Ng với Công ty Thành Đ đã được thu thập và xử lý vật chứng trong vụ án khác.

-Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền trốn thuế là 109.090.909 đồng.

Đối với Trần Thị Đ, Nguyễn Đình V là 02 đối tượng bán hoá đơn của Công ty Bắc Nam Ng cho Nguyễn Thị H. Tuy nhiên, Đ và V đã bị xử lý hình sự về Tội mua bán trái phép hoá đơn, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2024/HS-ST ngày 17/01/2024 của TAND tỉnh Đắk Nông và Bản án hình sự phúc thẩm số 518/2024/HS-PT ngày 26/6/2024 của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, do đó CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk không đề cập xử lý đối với Đ và V là có căn cứ.

Đối với Trần Quang V là kế toán của Công ty Nguyễn Thành Đ, tuy nhiên V được H thuê làm kế toán thời vụ để kê khai và quyết toán thuế cho công ty Nguyễn Thành Đ dựa trên hóa đơn, chứng từ mà H cung cấp. V không tham gia vào việc

mua hóa đơn với Công ty Bắc Nam Ng. Do đó, V không đồng phạm với H về hành vi trốn thuế, nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý đối với V là phù hợp.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị H thừa nhận quyết định truy tố và quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai. Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt nhằm tạo điều kiện cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất và sẽ phấn đấu trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Do ý thức xem thường pháp luật, xem thường trật tự quản lý kinh tế của nhà nước nên vào năm 2021, Nguyễn Thị H là Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty Nguyễn Thành Đ, đã có hành vi mua 01 (một) tờ hóa đơn GTGT không hợp pháp của Công ty Bắc Nam Ng số hóa đơn 0000418, ký hiệu: NN/20E, đề ngày 31/5/2021, giá trị tiền hàng hoá là 545.454.545 đồng, tiền thuế GTGT: 54.545.454 đồng, tổng số tiền đã bao gồm thuế GTGT là: 600.000.000 đồng. Sau đó, H đã sử dụng hoá đơn không hợp pháp mua được để kê khai chi phí được khấu trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN năm 2021 của Công ty Nguyễn Thành Đ cho Nhà nước, ở kỳ thuế quý 2/2021 tại Chi Cục Thuế khu vực E – K *(*nay là Thuế cơ sở 5, tỉnh Đắk Lắk) với số tiền trốn thuế TNDN là 109.090.909 đồng *(Một trăm lẻ chín triệu, không trăm chín mươi nghìn, chín trăm lẻ chín đồng)*. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "*Trốn thuế",* tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 1 điều 200 Bộ luật hình sự.

Tại điểm d khoản 1 điều 200 quy định:

“ 1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây trốn thuế với số tiền từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trốn thuế hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 202, 250, 251, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm:

d) Sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm hoặc tăng số tiền thuế được khấu trừ, số tiền thuế được hoàn;

[3] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực pháp luật, nhận thức được việc trốn thuế của mình bị nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với các loại hóa đơn, chứng từ, xâm phạm đến chế độ quản lý thuế, gây thất thu ngân sách nhà nước; ảnh hưởng xấu đến tình hình phát triển kinh tế, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội do mình gây ra.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền trốn thuế để khắc hậu quả, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trong. Do đó cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b,i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự trong khi lượng hình.

Xét về nhân thân của bị cáo, có nơi cư trú rõ ràng, sau khi phạm tội đã khắc phục toàn bộ thiệt hại, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự, nên xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng hình phạt tiền quy định tại điều 35 Bộ luật hình sự là phù hợp. Tuy nhiên bị cáo là người đang có tiền sự, cụ thể: Ngày 21/6/2024, bị Công an huyện Krông Búk ra quyết định xử phạt số tiền 6.500.000 đồng về hành vi Cố ý gây thương tích, ngày 08/01/2026 đã nộp phạt. Vì vậy, cần cân nhắc mức hình phạt tương xứng với mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân bị cáo nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét quan điểm luận tội và mức đề nghị về hình phạt của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 tại phiên tòa là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

[5] Các biện pháp tư pháp:

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ điều 46, điều 47 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Đối với 08 hóa đơn giá trị gia tăng công ty Thành Đ xuất cho Công ty TNHH Đ; Hệ thống sổ sách kế toán năm 2020-2021 của Công ty Thành Đạt; 01 tập hóa đơn có 35 tờ của Vật liệu xây dựng Ái H có bìa màu xanh ghi dòng chữ "*Nhận đá 1x2 chú Khiêm đổ đá"*; 02 tập hóa đơn có 46 tờ của Vật liệu xây dựng Ái H có bìa màu xanh ghi dòng chữ *"Công ty đ"*. Đây là các tài liệu liên quan đến hành vi trốn thuế của Công ty Thành Đ, do đó cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Đối với các tài liệu gốc của hợp đồng kinh tế số 22/2021/HĐKT; biên bản thanh lý hợp đồng mua bán hàng hóa; hóa đơn giá trị gia tăng số 0000418, ký hiệu NN/20E giữa Công ty Bắc Nam Ng với Công ty Thành Đ đã được thu thập và xử lý vật chứng trong vụ án khác.

-Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền trốn thuế là 109.090.909 đồng.

[6] Đối với Trần Thị Đ, Nguyễn Đình V là 02 đối tượng bán hoá đơn của Công ty Bắc Nam Ng cho Nguyễn Thị H. Tuy nhiên, Đức và V đã bị xử lý hình sự về Tội mua bán trái phép hoá đơn, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2024/HS-ST ngày 17/01/2024 của TAND tỉnh Đắk Nông và Bản án hình sự phúc thẩm số 518/2024/HS-PT ngày 26/6/2024 của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, do đó CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk không đề cập xử lý đối với Đ và V là có căn cứ.

Đối với Trần Quang V là kế toán của Công ty Nguyễn Thành Đ, tuy nhiên V được H thuê làm kế toán thời vụ để kê khai và quyết toán thuế cho công ty Nguyễn Thành Đ dựa trên hóa đơn, chứng từ mà H cung cấp. V không tham gia vào việc mua hóa đơn với Công ty Bắc Nam Ng. Do đó, V không đồng phạm với H về hành vi trốn thuế, nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý đối với V là phù hợp.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội "Trốn thuế".

Căn cứ khoản 1 điều 200; điểm b,i,s khoản 1 Điều 51, điều 35 của Bộ luật hình sự;

1. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 110.000.000đ (*Một trăm mười triệu đồng)* nộp ngân sách Nhà nước.

2. Các biện pháp tư pháp:

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ điều 46, điều 47 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Đối với 08 hóa đơn giá trị gia tăng công ty Thành Đ xuất cho Công ty TNHH Đ; Hệ thống sổ sách kế toán năm 2020-2021 của Công ty Thành Đ; 01 tập hóa đơn có 35 tờ của Vật liệu xây dựng Ái H có bìa màu xanh ghi dòng chữ "*Nhận đá 1x2 chú Khiêm đổ đá"*; 02 tập hóa đơn có 46 tờ của Vật liệu xây dựng Ái H có bìa màu xanh ghi dòng chữ *"Công ty đ"*. Đây là các tài liệu liên quan đến hành vi trốn thuế của Công ty Thành Đ, do đó cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Đối với các tài liệu gốc của hợp đồng kinh tế số 22/2021/HĐKT; biên bản thanh lý hợp đồng mua bán hàng hóa; hóa đơn giá trị gia tăng số 0000418, ký hiệu NN/20E giữa Công ty Bắc Nam Ng với Công ty Thành Đ đã được thu thập và xử lý vật chứng trong vụ án khác.

-Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền trốn thuế là 109.090.909 đồng (*Theo ủy nhiệm chi ngày 05/02/2026 từ Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đến tài khoản đơn vị nhận tiền Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk).*

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc Nguyễn Thị H phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 8 – Đắk Lắk;
- Phòng THA DS khu vực 8 – Đắk Lắk;
- Bị cáo; người liên quan;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Thị Hoa Lý